

Cơ sở lí luận của giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: ntthuyen@isvnu.vn

TÓM TẮT: Giáo dục cho sinh viên các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một việc làm vô cùng cần thiết để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ - những giáo viên ngoại ngữ trong tương lai vốn có lợi thế về ngoại ngữ để giao lưu, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Bài viết cung cấp cơ sở lí luận cho việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, trong đó có đề cập đến quá trình hình thành giá trị văn hóa truyền thống, các đặc điểm tâm sinh lí của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, khái niệm giáo dục giá trị văn hóa truyền thống và các thành tố của quá trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống.

TỪ KHÓA: Cơ sở lí luận, giá trị văn hóa truyền thống, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống.

→ Nhận bài 03/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 12/10/2021 → Duyệt đăng 15/12/2021.

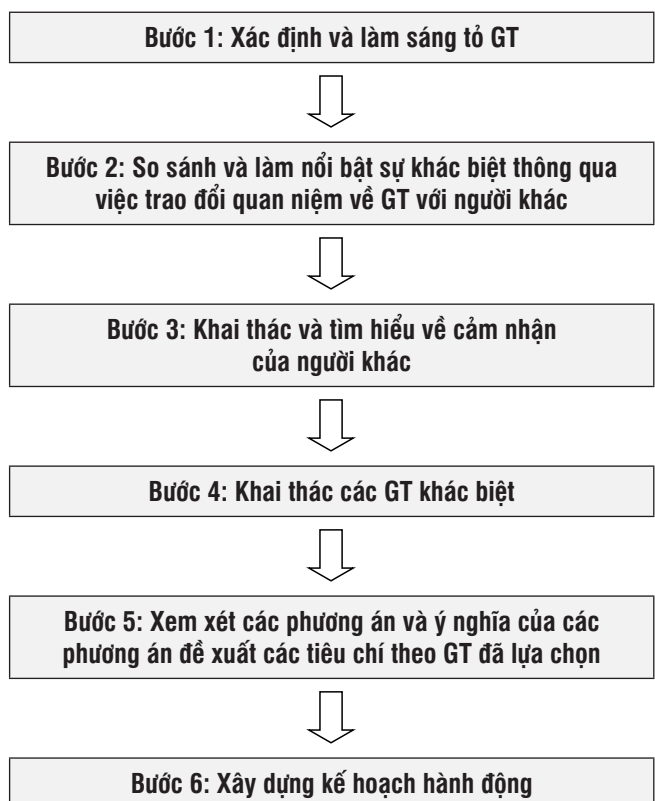
1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, theo Phạm Ngọc Trung (2018): “Trước hết là hội nhập của ngoại ngữ tiếng Anh và hội nhập của khoa học công nghệ” [1, tr.343], đối với sinh viên (SV) nói chung, việc giáo dục (GD) giá trị văn hóa truyền thống (GTVHTT) đã cần nhưng với SV Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ (ĐHSPNN) thì nhiệm vụ trên còn cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, SV ngành Sư phạm nói chung vốn là điển hình cho các GTVHTT tốt đẹp của dân tộc với việc lựa chọn ngành nghề hết sức mô phạm. Trong khi đó, SV ngoại ngữ lại được hi vọng là điển hình cho các giá trị (GT) mới của thời kì hội nhập quốc tế bởi họ có ngôn ngữ là công cụ để kết nối trong quá trình hội nhập, và SV ngoại ngữ cũng được cho là đối tượng chịu ảnh hưởng không nhỏ của xu hướng biến đổi các GT văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa trong đó có toàn cầu hóa về văn hóa. Chính vì lẽ đó, SV ĐHSPNN, hơn ai hết, cần được GD các GTVHTT trong bối cảnh hội nhập quốc tế, để giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc khi tiếp xúc với các nền văn hóa nước ngoài khi học ngoại ngữ để hòa nhập mà không hòa tan. Bài viết này cung cấp cơ sở lí luận phục vụ cho công tác GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quá trình hình thành giá trị nói chung và giá trị văn hóa truyền thống nói riêng

Theo Lemin, M., H. Potts, and P. Welsford (1994) trong cuốn *Values strategies for classroom teachers* [2] quá trình hình thành GT bao gồm 6 bước như sau (xem Hình 1):



Hình 1: Quá trình hình thành GT

Như vậy, qua chu trình 6 bước này có thể thấy quá trình hình thành GT gồm ba cấp độ: cấp độ nhận thức (tìm hiểu về GT), cấp độ thể hiện thái độ (qua đánh giá dựa vào trải nghiệm bản thân), cấp độ định hướng hành động thực tiễn (qua việc xác định cần phải làm gì và làm như thế nào). Vận dụng cơ chế hình thành GT được trình bày bởi Lemin, M., H. Potts, and P. Welsford

(1994), trong *GD GT nói chung và GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN nói riêng, chủ thể GD có thể tác động đến ba phần chính là: Nhận thức, Thái độ và Hành động của SV.*

- *Về nhận thức:* SV nói chung và SV ĐHSPNN cần được nâng cao nhận thức về các GTVHTT của dân tộc. Nâng cao nhận thức của SV về GTVHTT đóng một vai trò quan trọng trong công tác GD GTVHTT bởi nhận thức có đúng thì thái độ và hành động tương ứng mới đúng. Nhận thức về GTVHTT lại bao gồm hai cấp độ: biết và hiểu. Biết về GTVHTT có nghĩa SV có thể gọi tên, nêu khái niệm hoặc sự kiện. Hiểu về các GTVHTT có nghĩa SV có thể hiểu được bản chất, nội hàm, thành tố, biểu hiện của GTVHTT đó, biết so sánh các quan niệm GT khác nhau.

- *Về thái độ:* SV cần được bồi dưỡng tình cảm, thái độ đúng đắn với các GTVHTT. Sau khi hiểu, biết về các GTVHTT, SV sẽ suy ngẫm, đánh giá, lựa chọn các GT trên cơ sở tích hợp với các kinh nghiệm tích lũy từ trước của bản thân. Qua quá trình nội tâm hóa các GTVHTT kết hợp với kinh nghiệm sẵn có của SV, các GTVHTT được chiêm nghiệm và khẳng định, trở thành động cơ của hành vi và nếu được nuôi dưỡng thường xuyên thì các giáo viên GTVHTT này sẽ trở thành mục tiêu, lí tưởng trong cuộc sống của SV.

- *Về hành động:* SV ĐHSPNN cần được rèn luyện các hành vi biểu hiện các GTVHTT thường xuyên. Các GTVHTT sẽ được ứng dụng vào thực tế cuộc sống sau khi các GT này được nội tâm hóa ở từng SV và có vai trò định hướng cho hành động của họ. Ở phần này, SV sẽ chuyển hóa các GTVHTT mà mình lĩnh hội thành các hành động thực tế trong học tập, cuộc sống, trong mối quan hệ với bản thân và cộng đồng. Biểu hiện hành vi cụ thể này của SV chính là mục tiêu cao nhất mà GD GTVHTT cho SV hướng tới.

GD GTVHTT theo 3 phần như trên cho SV sẽ giúp chuyển hóa nhận thức của SV về GTVHTT đến tình cảm, thái độ của SV và cuối cùng là hình thành hành động tương ứng theo định hướng GT đã chọn. Đây cũng chính là quá trình chuyển hóa các GTVHTT của dân tộc thành các GT cá nhân, các GT bên ngoài thành các GT bên trong của SV. Quá trình chuyển hóa này khác với quá trình nhận thức đơn thuần ở chỗ: Nếu quá trình nhận thức là hiểu, biết và vận dụng thì quá trình chuyển hóa GTVHTT thành GT bên trong của mỗi SV cần sự trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn của chính SV nhằm hình thành tình cảm thái độ đúng đắn, từ đó mà định hướng hành vi phù hợp. Có mối liên hệ chặt chẽ giữa ba phần: Nhận thức, Thái độ, Hành vi nêu trong quá trình GD GTVHTT cho SV, các chủ thể cần vận dụng linh hoạt ba phần trên tùy theo mục tiêu, đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

2.2. Đặc điểm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ và yêu cầu đặt ra với giáo dục giá trị văn hóa truyền thống

SV chuyên ngành Sư phạm Ngoại ngữ (SPNN) có những điểm chung với SV thuộc các chuyên ngành khác. Các đặc điểm này bao gồm:

- SV đến từ nhiều vùng, miền khác nhau, có học thức, nhạy cảm với cái mới, năng động, ham học hỏi, thích tìm tòi và sáng tạo, là nguồn bổ sung trực tiếp cho đội ngũ trí thức trong tương lai, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc.

- Đa phần SV đều từ lứa tuổi 18 đến 23 tuổi, có thể kéo dài đến 25 tuổi là độ tuổi đã trưởng thành với sự hoàn chỉnh về sự phát triển thể chất, tuy nhiên cũng là “Độ tuổi dễ thay đổi và chưa định hình rõ về nhân cách” [3, tr.51].

- Các nền tảng đạo đức của lứa tuổi SV đã được hình thành, nếu ở độ tuổi 15-18, các GT của nhóm bạn chi phối mạnh mẽ nhất thì ở giai đoạn này, các GT xã hội bắt đầu chi phối mạnh mẽ đến thanh niên.

- Mâu thuẫn chủ yếu của lứa tuổi SV chủ yếu là ở chỗ: Một bên là sự trưởng thành về mặt thể chất, sự phong phú về kiến thức văn hóa nói chung, sự hăng hái muốn thể hiện mình như một người thực sự trưởng thành; một bên là sự chưa trưởng thành về mặt xã hội - biểu hiện chủ yếu ở vị trí xã hội còn phụ thuộc và phần lớn SV chưa có kinh tế độc lập. Một mâu thuẫn nữa ở lứa tuổi SV theo Vũ Thị Nho (2000) là mâu thuẫn giữa mơ ước, kì vọng của SV và khả năng, điều kiện để thực hiện ước mơ đó [4]. Những mâu thuẫn này có thể là động lực cơ bản thúc đẩy SV học tập và chuẩn bị một cách tích cực cho hoạt động học tập sau này.

- Một đặc điểm quan trọng của lứa tuổi SV là sự tích cực tham gia hoạt động tập thể. SV thích hoạt động “công ích” như một phương diện để tự khẳng định bản thân. Họ muốn kiểm nghiệm những khả năng của bản thân thông qua hoạt động thực tiễn.

- Các quan điểm của SV đã bắt đầu định hình và mang màu sắc phê phán - họ không tiếp nhận mọi chân lí một cách đơn giản, dễ dàng mà tỏ ra hoài nghi, cần thử nghiệm. So với lứa tuổi học sinh phổ thông, họ chín chắn và thực tế hơn. SV mong muốn được khẳng định vị trí xã hội của mình trong cuộc sống với những người xung quanh. Chính vì vậy, những GT được lĩnh hội trong thời gian này sẽ có thể kết tinh thành những định hướng GT cá nhân, có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hoạt động và nhân sinh quan của họ trong cả cuộc đời. Ngoài những đặc điểm chung của SV như trên, do tác động của quá trình đào tạo đặc thù (ngoại ngữ và sư phạm), SV chuyên ngành SPNN còn có một số đặc điểm cụ thể như sau:

- *Về chuyên ngành:* Theo chuẩn đầu ra của chương trình SPNN, ngoài những phẩm chất và năng lực chung

SV tốt nghiệp cần đạt được, SV chuyên ngành SPNN còn có chuẩn đầu ra về “năng lực sư phạm” và “năng lực ngoại ngữ”. Năng lực sử dụng ngoại ngữ của SV chuyên ngành SPNN được thể hiện ở nghe và đọc hiểu được “hàm ý”, nói trôi chảy và viết rõ ràng được các vấn đề phức tạp. SV chuyên ngành SPNN với khả năng ngôn ngữ thành thạo như vậy được đánh giá là có cơ hội lớn để giao tiếp một cách trôi chảy, thuận lợi, không gặp rào cản về ngôn ngữ với SV quốc tế nói riêng và người nước ngoài nói chung.

- *Về nhân cách*: So với thời kì phổ thông, trong quá trình học đại học, nhân cách của SV đã được xác định rõ hơn, nhưng vẫn tiếp tục phát triển theo định hướng chuyên ngành đã lựa chọn. Các hoạt động mà SV tham gia ở trường đại học đều tác động để giúp họ tiếp thu kiến thức, rèn luyện kĩ năng và trau dồi các phẩm chất của nghề nghiệp đã lựa chọn (cụ thể ở đây là giáo viên ngoại ngữ). Do mô hình nhân cách mà họ hướng tới trong tương lai là nhân cách của một người giáo viên, nên thường SV sẽ lựa chọn các GT phù hợp với chuyên ngành, ngành nghề đã chọn. Đặc điểm này rất cần phải được lưu ý trong quá trình tổ chức các hoạt động GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN.

- *Về định hướng GT của SV ĐHSPNN*: SV ĐHSPNN ngoài đặc thù “sư phạm” còn có đặc thù “ngoại ngữ” với đặc thù nghề nghiệp là thạo ngoại ngữ, nên họ có công cụ cần thiết để mở rộng giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Chính vì vậy nhìn chung SV khá cởi mở, dám nghĩ dám làm, năng động, tự tin. Định hướng GT là sự lựa chọn, chấp thuận các GT điển hình, từ đó con người nói chung và SV nói riêng điều chỉnh cách nghĩ mà hành vi của mình sao cho phù hợp các GT đã chọn lựa. Định hướng GT của SV ĐHSPNN chịu tác động của chuyên ngành đã lựa chọn, cùng với sự tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế nên các GTVHTT phần nào thay đổi. SV ĐHSPNN vẫn lựa chọn một số GTVHTT trong định hướng GT của họ nhưng bên cạnh đó họ cũng lựa chọn các GT hướng đến cá nhân, liên quan đến bản thân, SV chấp nhận cạnh tranh trong hợp tác.

- *Về sự tự ý thức*: Do đặc thù của chuyên ngành và đặc điểm của quá trình đào tạo (gắn liền với các nhiệm vụ học tập rèn luyện của nghề sư phạm), khả năng tự ý thức của SV ĐHSPNN khá phát triển; SV biết tự đánh giá, tự nhận thức, tự chịu trách nhiệm với hành vi của mình. SV tự ý thức được họ cần hoàn thiện nhân cách để còn làm gương cho học sinh sau này.

2.3. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên đại học ngoại ngữ

2.3.1. Khái niệm giáo dục giá trị văn hóa truyền thống

GTVHTT của dân tộc chính là những GTVH tốt đẹp đã được hình thành và lưu truyền từ khi dựng nước đến

nay. Do đó, GD GTVHTT là quá trình chuyển tải những GTVHTT mà các thế hệ trước đã tích lũy, trên cơ sở đó giúp người học nhận thức đúng, có thái độ đúng cũng như điều chỉnh hành vi phù hợp nhằm giữ gìn và phát huy các GTVHTT của dân tộc. Trong đề tài “GT, định hướng GT nhân cách và GD GT” của Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạch, Mạc Văn Trang (1995), các tác giả đã chỉ ra rằng, bản chất của việc GD GT có thể hiểu là một quá trình tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động tích cực của người được GD để lĩnh hội các GT xã hội, hình thành nên hệ thống GT cá nhân phù hợp với mong đợi của xã hội. [1]. Như vậy, có thể xem GD GTVHTT là một nội dung nằm trong quy trình GD GT nói chung, gồm những nét bản chất sau đây:

- GD GTVHTT là quá trình được tổ chức một cách có kế hoạch, nhằm giúp người được GD: 1/ Phát triển lí trí về GTVHTT: tức là có sự hiểu biết sâu sắc về các GTVHTT, về cách đánh giá các đối tượng trong hiện thực, biết phân tích, tổng hợp, khái quát từ những sự kiện, tìm ra các mối quan hệ logic, tự đi đến kết luận về một GTVHTT hay một cách đánh giá nào đó; 2/ Phát triển tình cảm phù hợp với các GTVHTT: tức là có sự rung động về các GTVHTT, yêu thích chúng và mong được chiếm lĩnh chúng, có thái độ phản đối với những hành động đi ngược lại các GTVHTT; 3/ Phát triển hành vi và hành động phù hợp với các GTVHTT: tức là biết hành động theo các GTVHTT, biết vận dụng các GTVHTT vào việc đưa ra quyết định hành động và giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

- GD GT nói chung và GD GTVHTT nói riêng là quá trình hướng dẫn, kích thích hoạt động tích cực của người học, giúp họ chuyển hóa được các GTVHTT của dân tộc từ bên ngoài vào trong ý thức, biến chúng thành các định hướng GT của bản thân. Quá trình chuyển hóa này diễn ra theo một cơ chế rất phức tạp, đòi hỏi người học phải tiến hành nhận thức về các GTVHTT, phải lựa chọn các GTVHTT phù hợp với bản thân và phải thực hiện hành động theo sự chi phối của các GT đó. Một điều có thể khẳng định là quá trình chuyển đổi các GTVHTT từ bên ngoài vào bên trong diễn ra chủ yếu ở bản thân người học và phụ thuộc phần lớn vào hoạt động tích cực của họ trong tác động qua lại với môi trường. Vì thế, để giúp người học chiếm lĩnh được các GTVHTT thì cần phải tổ chức, hướng dẫn các hoạt động phong phú cùng các mối quan hệ đa dạng của họ, phải thúc đẩy và dẫn đến quá trình tự GD của họ.

- GD GTVHTT với tư cách là quá trình hoạt động, giao lưu giữa người GD và người được GD, bao giờ cũng có tính hai mặt của nó: mặt thứ nhất, là sự tác động mang hướng kích thích, hướng dẫn của nhà GD, đến nhận thức, tình cảm, ý chí của người học và mặt thứ hai là hưởng ứng tích cực của người học đến các tác động đó cũng như sự chủ động, tự giác của họ trong

việc tham gia vào các hoạt động đa dạng để tiếp thu, chiếm lĩnh các GTVHTT của dân tộc.

Qua những phân tích trên, tác giả quan niệm về GD GTVHTT như sau: *GD GTVHTT là một quá trình tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động tự giác, tích cực của người được GD giúp họ lĩnh hội được các GTVHTT, làm cho các GTVHTT cần được hình thành trở thành các GT bên trong mỗi cá nhân, phù hợp với mong đợi và yêu cầu của xã hội.*

2.3.2. Các thành tố của quá trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống

Theo cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc, quá trình GD “tồn tại như là một hệ thống toàn vẹn” và bao gồm các thành tố cơ bản: mục đích và nhiệm vụ GD, nội dung GD, phương pháp và phương tiện GD, nhà GD, người được GD và kết quả GD. [5, tr.4]. Quá trình GD GTVHTT cũng là một quá trình GD và có một cấu trúc xác định với các nét đặc thù được thể hiện ở các thành tố như: mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp GD và phương pháp đánh giá.

- *Mục đích của GD GTVHTT*: GD GTVHTT là một bộ phận hữu cơ của quá trình GD toàn vẹn, thực hiện việc hình thành ở thanh niên, SV một hệ thống định hướng GT phù hợp với định hướng GT của xã hội. Hệ thống định hướng chung của xã hội được phản ánh trong mục đích chung của GD với tư cách là thành phần cấu trúc cơ bản của quá trình GD toàn vẹn cần phải đạt đến của SV. Do đó, mục đích của GD GTVHTT là hình thành nên định hướng các GT VHTT phù hợp với các GT đã được quy định trong mục đích chung của GD.

- *Nhiệm vụ của quá trình GD GTVHTT*: Theo Phạm Minh Hạc, GD GT cần thực hiện sáu nhiệm vụ: 1/ Hiểu được GT của mỗi người; 2/ Ý thức được GT của cá thể gắn chặt chẽ với GT của cộng đồng; 3/ Hình thành và phát triển hệ GT; 4/ Thể hiện được GT bản thân vào cuộc sống; 5/ Giúp người học nhận ra thế nào là hướng đúng GT mình tạo ra, đồng thời yêu cầu xã hội đánh giá đúng GT, tiềm năng của mỗi người, khuyến khích, động viên sử dụng tối ưu những GT và tiềm năng đó; 6/ biết đánh giá GT của người khác của cộng đồng xã hội và của bản thân. [6, tr. 210-211].

Quá trình GD GTVHTT có nhiệm vụ làm cho người được GD: Nhận thức đầy đủ và sâu sắc các GTVHTT nêu trong mục đích GD GTVHTT; Có thái độ trân trọng, yêu quý và bảo vệ các GTVHTT đó, cũng như có thái độ phê phán lại các biểu hiện đi ngược lại các GTVHTT; Có hành vi và hành động thực tiễn phù hợp với các GTVHTT đó. Các nhiệm vụ trên có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau, nên cần phải thực hiện một cách đồng bộ.

- *Nội dung GD GTVHTT cho SV*: Nội dung GD GTVHTT chính là hệ thống các GTVHTT cần phải

trang bị cho thế hệ trẻ giúp họ hình thành được định hướng GT bản thân phù hợp với mong đợi của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Hệ thống các GTVHTT này được chọn lọc từ nền văn hóa của dân tộc, được lồng ghép vào các môn học, các hoạt động GD trong nhà trường hoặc được thiết kế thành những chuyên đề độc lập. Việc lựa chọn các GT VHTT để GD cho SV phải dựa trên các nguyên tắc cụ thể trong từng thời kì lịch sử nhất định. Nội dung GD GTVHTT cho SV ĐHSPPN dựa trên các căn cứ cơ bản như sau: Trước hết, các GTVHTT được chọn phải là những GTVHTT mang tính đại diện, điển hình cho cốt cách, bản sắc dân tộc Việt Nam nhưng cũng phù hợp với các GT phổ quát của nhân loại. SV chuyên ngành SPNN với chuẩn đầu ra là khả năng sử dụng ngôn ngữ thứ hai để giao tiếp thành thạo với người nước ngoài nên nếu SV được GD các GTVHTT sẽ là cầu nối để quảng bá, giới thiệu các GTVHTT của Việt Nam với bạn bè quốc tế.

GD GT yêu nước cho SV ĐHSPPN: GD GTVHTT yêu nước tức là giúp SV biết kế thừa và phát huy GT này trong bảo vệ đất nước. Nếu trong quá khứ, GT này được thể hiện trong chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền Tổ quốc, giành độc lập tự do cho nhân dân thì ngày nay GTVHTT này còn được thể hiện trong việc tin tưởng chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, phấn đấu không ngừng để học tập rèn luyện, đóng góp cho sự phát triển phồn vinh và bền vững của đất nước. GD GTVHTT yêu nước cho SV là để họ nhận thức được vai trò to lớn của GT này trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh này, yêu nước còn là lòng tự hào dân tộc, đối với SV ĐHSPPN cần GD họ thể hiện GTVHTT yêu nước qua việc giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam đến bạn bè quốc tế cũng như giữ vững bản lĩnh văn hóa trong quá trình lĩnh hội, học tập các nền văn hóa khác trên thế giới cũng như được tiếp xúc các nền văn hóa khác nhau từ bạn bè ngoại quốc.

GD GT nhân ái cho SV ĐHSPPN: GD GTVHTT nhân ái cho SV tức là giúp SV nhận thức được nhân ái chính là lòng yêu thương, là sự quan tâm, sẻ chia với người khác. GT nhân ái có thể tạo nên sức mạnh tinh thần vô cùng to lớn, giúp con người ta có thể vượt qua những hoàn cảnh khó khăn hay những thời điểm suy sụp về tinh thần, nhân ái giúp cho con người có thêm niềm tin yêu vào cộng đồng, vào xã hội và cuộc sống. GD GTVHTT nhân ái cho SV để họ có thể biểu hiện GT này qua sự quan tâm đến bản thân, quan tâm đến mọi người xung quanh. Đặc biệt, đối với SV chuyên ngành Sư phạm, còn cần quan tâm đến SV - mà cụ thể là quan tâm đến suy nghĩ, tình cảm, đến các đặc điểm thể chất, tinh thần và tâm sinh lí của các em, để hiểu đúng về SV và có những hành vi phù hợp với từng đối

trợ SV. Nhân ái còn được thể hiện qua sự chia sẻ, động viên, giúp đỡ, hỗ trợ mọi người qua những hành động thiết thực.

GD GTVHTT đoàn kết cho SV ĐHSPNN: GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN là giúp SV nhận thức được vai trò của GT này trong quá trình đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc cũng như trong quá trình xây dựng đất nước. GT đoàn kết là cội nguồn sức mạnh để giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng giặc ngoại xâm trong quá khứ cũng như chiến thắng dịch bệnh, thiên tai, đói nghèo, “giặc đói” trong thời bình. GD GTVHTT đoàn kết cho SV là giúp họ hình thành được ý thức tập thể, tham gia vào các hoạt động đoàn thể của lớp, của Khoa, của trường và rộng hơn là của toàn xã hội.

GD GTVHTT cần cù, chăm chỉ cho SV ĐHSPNN: GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN là giúp SV hiểu được nhờ GT này mà dân tộc Việt Nam đã vượt qua rất khó khăn, nhiều thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên để vươn lên xây dựng đất nước. GD GTVHTT cần cù chăm chỉ cho SV để họ có thể thể hiện GT này qua những việc làm hàng ngày như: học tập, rèn luyện đều đặn, thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập của SV, tham gia lao động giúp đỡ cha mẹ trong gia đình, tham gia lao động tập thể trong nhà trường và ngoài xã hội. GD GTVHTT cần cù cho SV cũng là giúp họ thấy được vai trò của cần cù lao động trong xây dựng và phát triển đất nước, giúp SV hình thành được thái độ đúng đắn với lao động, biết yêu lao động và trân trọng các thành quả của cần cù lao động.

GD GTVHTT hiếu học cho SV ĐHSPNN: GD GTVHTT hiếu học cho SV là giúp SV kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học đã có từ ngàn đời nay của dân tộc. Dân tộc Việt Nam vốn lấy sự học làm gốc để thực hiện đạo lí làm người. Qua mọi thăng trầm của lịch sử, truyền thống này vẫn luôn được nhân dân ta coi trọng và giữ gìn, trở thành cội nguồn sức mạnh tinh thần của dân tộc Việt Nam. GD GTVHTT hiếu học cho SV để hình thành ở họ những biểu hiện của GT này như: ham thích việc học hành, luôn tìm tòi, tự tìm hiểu kiến thức bài học và những phần kiến thức liên quan một cách tự nguyện, có thái độ coi trọng tri thức và kính trọng những người có học thức. Đối với SV, hiếu học còn thể hiện qua niềm ham thích, say mê tham gia nghiên cứu khoa học, tự khai phá kiến thức mới cho bản thân cũng như có khát vọng vươn tới sự sáng tạo. GD GTVHTT hiếu học cho SV để góp phần giúp họ xây dựng nhu cầu học tập cả đời, cũng như thể hiện thái độ trân trọng việc học hành và đề cao GT của trí tuệ.

- *Phương pháp GD GTVHTT:* Trong các thành tố của quá trình GD nói chung và GD GTVHTT nói riêng, phương pháp GD là một thành tố quan trọng. Theo Hoàng Phê (1995), phương pháp GD là hệ thống cách thức sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó. [7,

tr.766]. Cụ thể hơn, theo Trần Thị Tuyết Oanh (2005), phương pháp GD phản ánh cách thức tổ chức quá trình GD, các loại hình hoạt động phong phú, đa dạng của giáo viên và học sinh nhằm chuyển hóa những yêu cầu, chuẩn mực về đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ do xã hội quy định thành phẩm chất, nhân cách của học sinh” [8, tr.91]. GD GTVHTT có thể được thực hiện bằng các phương pháp dạy học và GD ở nhà trường như: thuyết trình, đàm thoại, thuyết phục, giải thích - khuyến khích, tổ chức hoạt động hình thành kinh nghiệm ứng xử, khuyến khích hành vi,... trong đó một số phương pháp đặc thù của GD GTVHTT có thể kể đến là phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp trò chơi, phương pháp đóng vai, phương pháp giải quyết vấn đề... Các phương pháp này đều dựa trên quan điểm lấy người học làm trung tâm, hướng đến hoạt động tích cực của SV.

- *Đánh giá GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN:* Đánh giá có vai trò quan trọng trong quá trình GD. Đánh giá không chỉ nhận định thực trạng và định hướng hoạt động điều chỉnh của SV mà còn đồng thời nhận định thực trạng và định hướng điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên [5, tr.7]. GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN trong bối cảnh hội nhập quốc tế, để đáp ứng yêu cầu đổi mới GD, đánh giá cần tập trung chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực SV bao gồm nhận thức, thái độ, hành vi của SV trong các mối quan hệ thực tiễn với bản thân và với cộng đồng xã hội, được thể hiện trong các tình huống cụ thể. Bên cạnh đó, đánh giá năng lực của SV trong GD GTVHTT cũng được thực hiện ở nhiều hình thức đa dạng: Đánh giá của giáo viên, đánh giá đồng đẳng giữa SV với SV và SV tự đánh giá. Trong đánh giá GD GTVHTT cho SV có thể sử dụng các phương pháp chủ yếu sau đây: tự luận, vấn đáp, quan sát, đưa người học tình huống cụ thể để họ thể hiện quan điểm bản thân về GTVHTT. Đánh giá GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN không chỉ dừng ở việc đánh giá nhận thức, thái độ của SV về các GTVHTT mà còn cần đánh giá những hành vi biểu hiện các GTVHTT ở họ.

Công cụ đánh giá giúp giảng viên có thể thu thập thông tin về quá trình GD GTVHTT. Một số công cụ đánh giá có thể sử dụng trong GD GTVHTT cho SV bao gồm: 1/ Bài kiểm tra viết: Dùng để đo mức độ nhận thức hoặc thái độ của người học, bài kiểm tra viết có hai hình thức là tự luận và trắc nghiệm. 2/ Phiếu đánh giá theo tiêu chí: Giảng viên sẽ xây dựng các tiêu chí đánh giá nhận thức, thái độ, hành vi và các mức độ biểu hiện trên phiếu đánh giá, và sử dụng phiếu làm căn cứ đánh giá người học. 3/ Bảng kiểm: các hành vi biểu hiện GTVHTT của SV sẽ được liệt kê trong bảng kiểm, qua đó giảng viên có thể đánh giá được mức độ thực hiện cũng như kết quả đạt được của SV và SV cũng có thể tự đánh giá được mức độ và kết quả của quá trình

GD GTVHTT. 4/ Các câu hỏi vấn đáp: Giảng viên có thể thấy những suy nghĩ đa chiều của người học thông qua các trả lời của SV. 5/ Bài tập thực hành: Giảng viên có thể đánh giá GD GTVHTT thông qua việc SV tham gia đóng vai, phân tích tình huống, hoặc thông qua các biên bản hoạt động nhóm. 6/ Trả lời miệng: SV trình bày quan điểm cá nhân về các GTVHTT, giảng viên đánh giá bài trình bày của SV dựa trên các tiêu chí có sẵn. 7/ Sản phẩm báo cáo dự án: Sản phẩm báo cáo dự án có thể là các bài báo cáo, các sản phẩm sáng tạo như tranh, ảnh, poster, video clips, ... hoặc cũng có thể là sản phẩm nghiên cứu khoa học hay các buổi biểu diễn (viết/ diễn sản phẩm âm nhạc mới, đóng kịch, kể chuyện)... 8/ Phiếu quan sát: Công cụ này giúp giảng viên mô tả và tổng hợp một cách đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến thái độ, hành vi của người học về các GTVHTT. 9/ Các điều kiện đảm bảo cho công tác GD GTVHTT: Thể chế hóa các quan điểm chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác GD GTVHTT

cho thanh niên, SV nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác GD GTVHTT cho thế hệ trẻ; Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tích cực trong nhà trường; Chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể trong công tác GD GTVHTT cho thanh niên, SV.

3. Kết luận

Tiếp cận theo quan điểm hệ thống, GD GTVHTT cho SV ĐHSPNN cũng được coi là một quá trình GD. Trong quá trình GD này, nhà GD cần xác định được mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp GD cũng như xác định được phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm đối tượng trong điều kiện cụ thể, đặc thù. GD GTVHTT cần lưu ý cơ chế hình thành GT để tác động đến cả ba phần nhận thức, thái độ, hành vi nhằm chuyển hóa các GTVHTT của xã hội thành những GT bên trong của mỗi cá nhân. Trong GD GTVHTT, cần thực hiện mục tiêu không chỉ nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ của SV ĐHSPNN đối với các GTVHTT mà còn giúp SV thể hiện được những hành vi biểu hiện các GT này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Ngọc Trung, (2018), *Bản sắc văn hóa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lí luận Chính trị.
- [2] Lemin, M., Potts, H. & Welsford, P, (1994), *Values Strategies for Classroom Teachers*, The Australian Council for Educational Research, Hawthorn.
- [3] Phan Thanh Long, (2018), *Giáo dục đa văn hóa cho các trường đại học phục vụ quá trình hội nhập và toàn cầu hóa*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Vũ Thị Nho, (2000), *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Hộ - Hà Thị Đức, (2002), *Giáo dục học đại*
- ương*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Phạm Minh Hạc, (2015), *Định hướng GT con người Việt Nam thời kì đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hoàng Phê (chủ biên), (1995), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [8] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), (2005), *Giáo trình Giáo dục học*, Tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [9] Nguyễn Quang Uẩn - Nguyễn Thạc - Mạc Văn Trang, (1995), *Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Đề tài KX-07, NXB Hà Nội.

THE THEORETICAL BASIS OF EDUCATION ON TRADITIONAL CULTURAL VALUES FOR UNIVERSITY STUDENTS MAJORED IN FOREIGN LANGUAGE TEACHER EDUCATION

Nguyen Thi Thu Huyen

Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Email: ntthuyen@isvnu.vn

ABSTRACT: *Educating students about the traditional cultural values is of great importance in the context of globalization and integration for Vietnam's stable development. The education of traditional cultural values is especially significant to students, the future foreign language teachers, who major in foreign language teaching education because they have advantages in using languages to communicate with people of different cultures in the world. This article provides the theoretical basis of education on traditional cultural values for students whose major is foreign language teacher education. The theoretical basis includes the process of forming traditional cultural values, students' psycho-physiological characteristics, concepts of traditional cultural value educations and its components.*

KEYWORDS: Theoretical basis, traditional cultural values, traditional cultural value education.